

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TRỊNH VĂN TÀI*

Trong những năm qua, khu vực kinh tế tư nhân đã đóng vai trò ngày càng quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, nhiều tập đoàn kinh tế tư nhân hình thành, trong đó có những tập đoàn lớn vươn tầm khu vực. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển, từng bước trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Tuy nhiên, khu vực kinh tế tư nhân nước ta vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng. Đặc biệt trong xu thế hội nhập và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đặt ra nhiều thách thức, thời gian tới cần có những giải pháp đầu tư, phát triển phù hợp với tình hình mới.

Từ khóa: phát triển kinh tế tư nhân, xu thế hội nhập, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Over the past years, the private economic sector has played an increasingly important role in the socio-economic development of Vietnam, as many private corporations have been established, including large corporations on regional scale. The Party and State have promulgated many guidelines and policies to facilitate the private economy to develop and gradually become an important driving force of the economy. However, the development of our country's private economic sector has not been commensurate with its potential yet. In the context of integration and the Fourth Industrial Revolution with many challenges, it is essential to have suitable solutions so as to develop the private sector weathering the new era.

Keywords: private economic development, integration trend, the Fourth Industrial Revolution.

Ngày nhận: 16/1/2022

Ngày đánh giá, phản biện: 5/2/2022

Ngày duyệt đăng: 23/2/2022

1. Quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam

Quan điểm của Đảng ta về vai trò của kinh tế tư nhân (KTTN) đối với nền kinh tế Việt Nam cũng trải qua nhiều bước thăng trầm. KTTN vốn đã kém phát triển trước năm 1954 do bị chế độ thực dân và tư sản mại bản chèn ép, lại không được công nhận và dần dần bị thay thế bởi kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể từ sau năm 1954 ở miền Bắc và từ sau 1975 trên phạm vi cả nước.

Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã xác định chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Từ đó, khu vực KTTN nước ta liên tục phát triển, đóng góp quan trọng vào những thành tựu kinh tế - xã hội suốt những năm đổi mới. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm

khóa IX (năm 2002) xác định: "Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao nội lực của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế" [1]. KTTN ở đây bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân.

Đến Đại hội X (năm 2006), Đảng ta nêu rõ: "Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài... Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế" [2].

* ThS Trịnh Văn Tài, Trường Đại học Luật Hà Nội

Đại hội XI (năm 2011) của Đảng tiếp tục xác định phải hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh KTTN.

Tại Đại hội XII (năm 2016), Đảng ta đã khẳng định: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật” [3]. Việc Đảng ta xác nhận “kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế” trong phát triển đất nước (Đại hội X mới ghi nhận: “Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế”), không chỉ xác nhận vai trò mới của KTTN mà còn mở ra những cơ hội mới để thành phần KTTN phát triển mạnh mẽ hơn.

Đặc biệt, Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 Hội nghị lần thứ năm khóa XII về phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, được đánh giá là một bước tiến mới, tạo động lực thúc đẩy phát triển cho khu vực KTTN và toàn bộ nền kinh tế. Chưa bao giờ KTTN lại được Đảng, Nhà nước quan tâm như hiện nay. Việc lần đầu tiên có một Nghị quyết riêng về phát triển KTTN được ban hành là dấu ấn lớn, song chắc chắn là kết quả của quá trình thay đổi nhận thức, đột phá tư duy qua các thời kỳ.

Với chủ trương của Đảng không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật, xóa bỏ hẳn cơ chế bao cấp, chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đại hội XII của Đảng chính là Đại hội có nhiều nhận thức mới đối với các thành phần kinh tế, đó là khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước; vai trò động lực quan trọng của nền kinh tế đối với KTTN; quan điểm lựa chọn tiếp nhận kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; và quan tâm hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp (DN) khởi nghiệp. . .

Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. . . ; Xóa bỏ mọi rào cản,

định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân.” [4].

Có thể thấy, trong hơn 35 năm lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, trung thành, kế thừa và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã thường xuyên đổi mới tư duy gắn với tổng kết thực tiễn và đưa ra chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có KTTN. Kết quả, đến năm 2020, KTTN ở nước ta có gần 900 nghìn DN hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và hơn 5,4 triệu hộ kinh doanh; riêng hoạt động của các hộ kinh doanh đã bảo đảm cuộc sống cho khoảng 20 triệu người dân. Thời gian tới, với các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cụ thể, KTTN sẽ tiếp tục phát triển, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước.

2. Khung pháp lý phát triển kinh tế tư nhân

Trước tháng 12-1986, nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam chưa được thừa nhận. Những nhận định chưa phù hợp này đã dẫn đến khó khăn trong phát triển kinh tế đất nước. Như một hệ quả tất yếu, cần một sự thay đổi để thoát ra khỏi khó khăn. Trong đó, phát triển KTTN là một trong những giải pháp được thực hiện bắt đầu từ khi đổi mới kinh tế năm 1986 diễn ra.

Đáp ứng yêu cầu đó, Luật Doanh nghiệp ra đời năm 1999 xóa bỏ sự phân biệt đối xử về mặt luật pháp đối với DN thuộc thành phần KTTN ở Việt Nam, thay thế cho hàng loạt luật đã từng tồn tại trước đó bằng những nội dung tập trung hơn, đầy đủ hơn.

Năm 2005, Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua, có những bước tiến đáng kể so với Luật Doanh nghiệp năm 1999. Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và DN tư nhân, quy định về nhóm công ty, với đối tượng áp dụng là các DN thuộc mọi thành phần kinh tế; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của các DN. Luật Doanh nghiệp năm 2005 đưa ra khung khổ pháp luật thống nhất về DN; chấm dứt phân biệt đối xử đối với các DN theo thành phần kinh tế; góp phần thiết lập môi

trường kinh doanh bình đẳng, công bằng.

Thế chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển KTTN, Nhà nước đã ban hành nhiều bộ luật và văn bản hướng dẫn. Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Luật Đầu tư năm 2014 là những xung lực quan trọng tác động tích cực đến sự phát triển của khu vực KTTN.

Luật Doanh nghiệp 2014 có nhiều nội dung đổi mới đáng kể, nhất là đối với KTTN trên tinh thần tạo điều kiện phát triển tự do kinh doanh, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, phù hợp với xu hướng hội nhập chung của thế giới, tạo lộ trình thông thoáng thúc đẩy nhiều DN được thành lập mới. Luật Doanh nghiệp 2014 rút ngắn thời gian đăng ký thành lập DN, cải cách thủ tục hành chính, cải cách con dấu, bảo vệ tốt lợi ích của nhà đầu tư, dễ dàng trong tái cơ cấu DN...

Bắt đầu từ đầu năm 2021, Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật đầu tư 2020 có hiệu lực được kỳ vọng sẽ mang lại những thay đổi tích cực cho cộng đồng DN. Một trong số đó là thủ tục hành chính tiếp tục được cắt giảm, đơn cử như DN được quyết định loại dấu, quyết định số lượng, hình thức và nội dung dấu, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của DN, bỏ quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng...

3. Cơ hội và thách thức đối với phát triển kinh tế tư nhân

Những cơ hội và thuận lợi

Thứ nhất, nhìn lại chặng đường hơn 35 năm đổi mới, từ tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể, tất cả các tầng lớp nhân dân đã chuyển sang ý thức chủ động và tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội. Những thay đổi về tư duy và nhận thức quan trọng đó đã tạo điều kiện giúp khu vực KITTN ở nước ta từng bước phát triển cả về lượng và chất. Từ chỗ chủ yếu chỉ có các hộ kinh doanh cá thể, nước ta đã có những tập đoàn kinh tế lớn. Từ chỗ chủ yếu hoạt động trong khu vực phi chính thức, KITTN đã chuyển đổi mạnh mẽ sang hoạt động trong khu vực chính thức của nền kinh tế, phạm vi kinh doanh đã rộng khắp ở những ngành mà pháp luật không cấm. Đặc

biệt, trước bối cảnh hội nhập và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong những năm qua một làn sóng khởi nghiệp đã và đang diễn ra, đem lại một sức sống mới cho nền kinh tế. Có thể thấy, khu vực KITTN đang đóng vai trò ngày càng quan trọng hơn trong nền KITT định hướng XHCN, góp phần giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước. Đồng thời, cũng mang lại nhiều cơ hội cho nền kinh tế nói chung và khu vực KITTN nói riêng.

Thứ hai, pháp luật kinh tế đã tạo ra mặt bằng pháp lý chung cho các loại hình DN, bảo đảm sự bình đẳng về pháp lý trong kinh doanh của các DN thuộc các thành phần kinh tế, giữa DN trong nước với DN có vốn đầu tư nước ngoài. Thủ tục hành chính và các điều kiện kinh doanh bất hợp lý, gây cản trở được rà soát, cắt bỏ. Chính sách tín dụng đang dần xóa bỏ tình trạng phân biệt đối xử với KITTN trong tiếp cận các nguồn vốn. Sự hiện diện của Luật Đầu tư năm 2020, Luật Doanh nghiệp năm 2020 áp dụng chung cho các DN thuộc mọi thành phần kinh tế là minh chứng cho điều đó.

Quốc hội đã ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017 (DNNVV), Chính phủ ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết một số điều của luật này, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; hình thành quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV, bảo đảm sự đồng bộ trong triển khai thực hiện luật. Do đó, vai trò của KITTN ngày càng gia tăng, thể hiện qua tỷ trọng của khu vực này trong GDP cũng như đầu tư phát triển toàn xã hội tăng cao.

Thứ ba, những tiến bộ của khoa học công nghệ hiện đại đã tạo tiền đề tốt cho nền kinh tế nói chung và khu vực KITTN nói riêng tiếp cận với khoa học công nghệ tiên tiến. Không thể phủ nhận vai trò của internet, internet vạn vật (IoT), lưu trữ dữ liệu quy mô lớn (Big Data),... trong việc hiện đại hóa công cuộc phát triển kinh tế. Những tác động tích cực của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập kinh tế toàn cầu giúp khu vực tư nhân mở rộng phạm vi hoạt động, giúp sử dụng hiệu quả nguồn lực, tiết kiệm thời gian, nhân lực trong các hoạt động của mình.

Với các Hiệp định thương mại tự do (FTA)

đã ký với Liên minh châu Âu (EVFTA), khu vực ASEAN và 5 nước (RCEP) và Vương quốc Anh (UKVFTA) vào năm 2020, nhu cầu chuyển đổi số đối với các DN để xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường lớn, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu và tận dụng công nghệ tiên tiến, trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Thứ tư, việc kiểm soát, đẩy lùi được dịch bệnh Covid-19 trong thời gian qua giúp nước ta trở thành địa chỉ tin cậy của các nhà đầu tư nước ngoài, điểm đến tiềm năng, an toàn cho sự phân bổ lại dòng vốn đầu tư trên thế giới. Ảnh hưởng của dịch Covid-19 còn tạo ra thay đổi về nhu cầu đối với sản phẩm, dịch vụ; đem lại cơ hội gia nhập các thị trường ngoài thị trường truyền thống cho DN Việt Nam có thể tận dụng. Bên cạnh đó, các chính sách hội nhập quốc tế sẽ tạo điều kiện cho các DN Việt Nam có thể tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, hình thành chuỗi giá trị mới.

Thứ năm, sự bùng nổ về khoa học, công nghệ và hội nhập toàn cầu đã mang lại nhiều cơ hội việc làm cho người lao động. Bối cảnh hiện tại sẽ giúp các hoạt động kinh tế không bị giới hạn bởi khoảng cách địa lý. Phạm vi công việc và lĩnh vực hoạt động của các cá nhân, các DN được mở rộng. Chi phí giao thông vận tải và thông tin liên lạc sẽ giảm xuống, hậu cần và các chuỗi cung ứng toàn cầu sẽ trở nên đơn giản, hiệu quả hơn, khiến các chi phí thương mại giảm. DN có thể giảm được chi phí đầu vào một cách đáng kể, đồng thời gia tăng đầu ra nhờ mở rộng phạm vi hoạt động.

Thứ sáu, những thay đổi lớn trong bối cảnh hiện tại sẽ làm gia tăng sự cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế, giữa các DN, cá nhân trong nền kinh tế. Yếu tố cạnh tranh là cần thiết để góp phần thúc đẩy các cá nhân, tổ chức, DN phải luôn nỗ lực hết mình để có thể tồn tại và phát triển. Chính điều này giúp tăng năng lực cạnh tranh của DN; khuyến khích đầu tư cho khoa học công nghệ và sản phẩm mới; thúc đẩy thương mại điện tử và hình thành các mô hình kinh doanh mới, cải thiện hiệu quả và tạo ra các loại hình doanh thu mới...

Những khó khăn và thách thức

Thứ nhất, dịch Covid-19 với phạm vi ảnh hưởng trên khắp thế giới, dẫn đến nhiều hệ lụy

cho nền kinh tế nói chung. Khu vực KTTN tại Việt Nam đang chịu ảnh hưởng nặng nề. Nhiều DN kinh doanh thua lỗ, phải tạm ngừng kinh doanh hoặc thậm chí là giải thể, phá sản...

Tổng số DN gia nhập và tái gia nhập thị trường (quay trở lại hoạt động) trong năm 2021 là 159.955 DN (giảm 10,7% so với năm 2020), trong đó có: 116.839 DN thành lập mới (giảm 13,4% so với năm 2020) và 43.116 DN quay trở lại hoạt động (giảm 2,2% so với năm 2020). Dịch bệnh kéo dài đã bào mòn sức lực của nhiều DN trong nước, trong đó phần lớn là các DN thành lập dưới 5 năm, quy mô vốn nhỏ. Có 119.828 DN đã tạm ngừng hoạt động, giải thể trong năm 2021, tăng 17,8% so với năm 2020 [5].

Thứ hai, môi trường pháp lý đối với khu vực KTTN chưa hoàn thiện, nhiều quy định chưa đầy đủ, chưa rõ ràng, thiếu nhất quán và chồng chéo. Những năm qua, môi trường kinh doanh ở nước ta đã được cải thiện nhiều, song vẫn chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực KTTN phát triển xứng với tiềm năng.

Thứ ba, các DN thuộc khối tư nhân còn bị đối xử chưa công bằng. Một số chính sách quy định chỉ đề cập đến DN nhà nước mà chưa đề cập đến DN thuộc khối tư nhân. Nhiều DN phải trả các chi phí "không chính thức" để giải quyết công việc... Những bất cập này khiến cho khu vực KTTN đã nhỏ lại kém phát triển. Vì vậy, để KTTN có điều kiện phát triển, cần tập trung giải quyết vấn đề bình đẳng thật sự giữa các chủ thể kinh doanh, giữa các doanh nghiệp.

Thứ tư, đa số các DN thuộc khối KTTN là các DN nhỏ và siêu nhỏ. Thậm chí, tỷ trọng của các DN siêu nhỏ đã tăng mạnh trong những năm gần đây. Do quy mô vốn nhỏ, năng lực tài chính yếu kém nên năng lực cạnh tranh của các DN này thường thấp hơn các DN nhà nước và các DN có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Nhiều DN còn chưa có tầm nhìn, chiến lược kinh doanh dài hạn; ý thức tự giác chấp hành pháp luật còn hạn chế. Đội ngũ doanh nhân chưa thực sự lớn mạnh, còn thiếu kinh nghiệm trên thương trường quốc tế và chưa được đào tạo

sâu về quản lý sản xuất, kinh doanh. Một số doanh nhân còn thiếu trách nhiệm xã hội, vì lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm, làm tăng thêm các tiêu cực xã hội, môi trường.

Thứ năm, năng lực sản xuất công nghiệp của khu vực KTTN trên thực tế còn yếu, mới chỉ đang ở giai đoạn đầu của thời kỳ phát triển. Phần lớn sản xuất công nghiệp của các DN là gia công lắp ráp, chủ yếu sử dụng máy móc, thiết bị và nguyên liệu nhập khẩu. Các công đoạn sản xuất đưa lại giá trị gia tăng cao, như thiết kế, tạo kiểu dáng, marketing... đều được thực hiện bởi đối tác nước ngoài. Sự phân tầng trình độ công nghệ đang diễn ra trong từng ngành và trong nhiều DN; công nghệ lạc hậu, trung bình và tiên tiến cùng đan xen tồn tại; công nghệ tiên tiến, hiện đại chỉ tập trung vào một số ít DN, ở một số ít lĩnh vực. Chênh lệch về trình độ công nghệ bộc lộ rõ: các DN khối tư nhân thấp hơn khu vực DN nhà nước và thua xa DN FDI.

Thứ sáu, các DN khối tư nhân phần lớn vẫn hoạt động ở thị trường trong nước, chỉ rất ít DN lớn vươn được ra thị trường nước ngoài ở một mức độ khiêm tốn. Ngay tại thị trường trong nước, dưới sức ép cạnh tranh gay gắt các DN lớn cũng bắt đầu có xu hướng rút khỏi các ngành sản xuất công nghiệp, nhường lại sân chơi cho các DN nước ngoài. Sự rút lui này cũng diễn ra trong một số lĩnh vực dịch vụ như phân phối và bán lẻ được ưu tiên và có nhiều tiềm năng của nền kinh tế.

4. Giải pháp cơ bản thúc đẩy sự phát triển của kinh tế tư nhân

Thứ nhất, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước trong phát triển kinh tế đất nước. Cần có sự thống nhất nhận thức, tư tưởng và hành động trong triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển KTTN, tránh sự mâu thuẫn, chông chéo trong các văn bản quy định về các chương trình, chính sách đối với khu vực KTTN.

Thứ hai, xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng hơn cho KTTN phát triển.

Tỷ trọng đóng góp của KTTN chiếm khoảng 43% GDP với tốc độ tăng trưởng khá, thu hút

khoảng 85% lực lượng lao động. Phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế, đòi hỏi phải có cách tiếp cận mới về mặt chính sách. Đổi mới toàn diện quản lý nhà nước cũng cần theo hướng nhanh, mạnh và phù hợp, chất lượng hơn. Đổi mới cần tập trung vào các yêu cầu, các thành tố cấu thành nền tảng phát triển KTTN, từ tư duy, nhận thức, phương thức tới công cụ thực hiện trên cơ sở đồng bộ và mang tính hệ thống.

Theo đó, Nhà nước cần tăng cường nâng cao năng lực xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, an toàn cho KTTN phát triển lành mạnh, đúng định hướng. Tăng cường hiệu quả công tác giám sát, kiểm tra, trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương các cấp đối với việc chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển KTTN. Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DN. Tăng cường cơ chế đối thoại có hiệu quả giữa cơ quan quản lý nhà nước với DN nhằm nắm bắt và xử lý kịp thời các vướng mắc liên quan đến phát triển KTTN.

Thứ ba, có chính sách khuyến khích, hỗ trợ KTTN đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ. Nhà nước cần tăng cường khuyến khích, hỗ trợ KTTN đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển; chuyển giao công nghệ tiên tiến. Bảo đảm thực thi hiệu quả pháp luật về sở hữu trí tuệ. Phát triển các quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ. Áp dụng chính sách thuế, hỗ trợ tài chính, tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi phù hợp với hoạt động nghiên cứu, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, đặc biệt là đào tạo nghề, nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng đủ nhu cầu số lượng và chất lượng nhân lực cho phát triển KTTN. Tăng cường hợp tác, liên kết giữa DN và cơ sở đào tạo. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ doanh nhân có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng quản lý hiện đại, đạo đức kinh doanh và tinh thần trách nhiệm cao.

Thứ tư, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát của Nhà nước đối với các hoạt

động sản xuất kinh doanh của DN. Đối với các DN, công tác quản lý, kiểm tra, giám sát của Nhà nước không chỉ là để ngăn chặn các biểu hiện sai phạm trong kinh doanh mà còn để bảo vệ các DN làm ăn chân chính, bảo đảm cho tất cả các DN thuộc mọi thành phần kinh tế được tự do kinh doanh hợp pháp.

Thứ năm, nâng cao năng lực quản trị của khu vực KTTN. Chủ DN, nhất là chủ các DN vừa, nhỏ và siêu nhỏ; chủ cơ sở kinh tế cá thể phải chủ động và tích cực trau dồi các kiến thức về kinh tế thị trường, quản trị DN, pháp luật trong kinh doanh, kiến thức về hội nhập; bám sát các định hướng của Nhà nước; chủ động, nhạy bén nắm bắt cơ hội để xây dựng chiến lược kinh doanh và quản trị phù hợp với yêu cầu thị trường và nguồn lực hiện có, phòng tránh rủi ro pháp lý, liên kết sản xuất... Có như vậy, các loại hình KTTN mới có thể tồn tại, thích ứng và phát triển bền vững.

Thứ sáu, chú trọng đầu tư đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, trình độ lao động. Tùy thuộc vào đặc thù riêng nên mỗi loại hình KTTN cần thực hiện những giải pháp khác nhau cho phù hợp:

Đối với các DN quy mô lớn và vừa: Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ công nghệ, nhất là công nghệ cao vào sản xuất, kinh doanh. Các DN phải tăng tỷ lệ đầu tư vào nghiên cứu và triển khai. Một mặt, phải nghiên cứu kỹ và có lộ trình thích hợp thực hiện nghiên cứu và triển khai (có thể tự chủ hoặc liên doanh, liên kết với DN khác, tranh thủ cơ hội từ phía Nhà nước). Mặt khác, đẩy mạnh đổi mới công nghệ, hiện đại hóa trang thiết bị. Đồng thời, tập trung nâng cao trình độ đội ngũ lao động, nhất là đội ngũ lao động trực tiếp.

Đối với các DN quy mô nhỏ, siêu nhỏ: các DN này năng lực tài chính hạn chế, khó tiếp cận với các nguồn lực bên ngoài nên cần tập trung nâng cao năng lực chủ động tiếp nhận chuyển giao, đổi mới công nghệ như nâng cao trình độ lao động, chủ động tiếp nhận công nghệ mới, công nghệ cao vào sản xuất.

Đối với các hộ kinh doanh: Nguồn lực tự có hạn chế và khó tiếp cận với các nguồn lực bên ngoài nên cần chú trọng ứng dụng tiến bộ công nghệ, hợp lý hóa quy trình sản xuất, kinh doanh.

Thứ bảy, các DN khối KTTN cần chủ động xây dựng chiến lược quy hoạch hợp lý trên cơ sở hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý, đẩy mạnh hoạt động marketing, thực hành các biện pháp giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh cùng nhiều biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khác. Để chiến lược kinh doanh mang tính khả thi cao, các DN cần nghiên cứu kỹ mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước, chiến lược phát triển ngành, nghề; đồng thời, nắm bắt khả năng của mình để xây dựng chiến lược cho tương lai. Mỗi DN cần xây dựng chiến lược riêng, phù hợp với khả năng về vốn, năng lực nhân sự, mục tiêu phát triển, ngành hàng tham gia kinh doanh... Để hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả như mong muốn, các DN cần coi trọng yếu tố công nghệ trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào khu vực và thế giới, với tự do hóa mạnh mẽ cùng những chuẩn mực mới tạo nhiều cơ hội cho việc mở rộng thị trường, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Các DN cần nghiên cứu kỹ và chuẩn bị một lộ trình thích hợp, không loại trừ việc liên doanh, liên kết với các DN khác cũng như tranh thủ các cơ hội từ phía Nhà nước.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

- [1] ĐCSVN: Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2002, tr.57-58.
- [2] ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Phần II, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2010, tr.354.
- [3] ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, H.2016, tr.25.
- [4] ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần

thứ XIII, t.I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr.129, 240.

[5] Cục Quản lý đăng ký kinh doanh: Tình hình đăng ký doanh nghiệp tháng 12 và năm 2021, <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/tin-tuc/597/5732/tinh-hinh-dang-ky-doanh-nghiep-thang-12-va-nam-2021.aspx#:~:text=Trong%20năm%202021%20có%20116.839,9%25%20so%20với%20năm%202020, truy cập ngày 31/12/2021>.